PHỤ LỤC 6

BIỂU MẪU CÔNG KHAI VỀ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Công văn số 13/PGDĐT ngày 24/3/2022 của Phòng GDĐT quận Lê Chân)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN **TRƯỜNG THCS VÕ THỊ SÁU.**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02 /QĐ- THCS VTS	*Quận Lê Chân, ngày 09 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách và các khoản thu năm 2023.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS VÕ THỊ SÁU

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 34/TB-TCKH Dự toán chi ngân sách năm 2022

Theo đề nghị của Kế toán trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu chi*(dự toán/quyết toán)* ngân sách và các khoản thu năm 2022 của trường THCS Võ Thị Sáu (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) tổ trưởng Văn phòng,*kế toán trưởng*, các *bộ phận* có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:
- Như điều 3
- … ;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG
(ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 6.2

UBND QUẬN LÊ CHÂN
TRƯỜNG THCS VÕ THỊ SÁU

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số ... /QĐ- ... ngày .../.../... của ...)

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	Nội dung	Dự toán
1	**2**	**3**
A	**TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	**Học phí (nếu có)**	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	495.817
1.2	Mức thu 92.000đ/tháng * 9T .	92
1.3	Tổng số thu trong năm	1.410.000
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.410.000
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng(1)[1]	1.410.000
1.6	Số chi trong năm	1.410.000
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	1.410.000
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	0
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	0
	- Chi khác: …	
1.7	Số dư cuối năm	
1.8	Dự kiến mức thu *(2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)*	
2	**Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)** *(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*	
2.1	**Dạy thêm**	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	374.621
2.1.2	Mức thu 12.000đ/tiết…	12
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1.199.088
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.199.088
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	1.199.088
2.1.6	Số chi trong năm	1.199.088
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	560.347
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	83.431
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	98.700
	- Chi phúc lợi	104.160
	- Chi khác: …	
2.1.7	Số dư cuối năm	374.621
	. . .	
3	**Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)**	0
3.1	**. . .**	

[1] *Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.*

3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
3.1.2	Tổng số thu trong năm	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	
3.1.5	Số chi trong năm	
	Trong đó: - …..	
	- …..	
	- …..	
3.1.6	Số dư cuối năm	
	…..	
4	**Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú....** *(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*	0
4.1	**Trông xe**	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
4.1.2	Mức thu xe đạp : 30 ; xe điện : 50	30-50
4.1.3	Tổng số thu trong năm	115
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	115
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	115
4.1.6	Số chi trong năm	115
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	92
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	7
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	6
	- Chi phúc lợi	5
	- Chi khác:	5
4.1.7	Số dư cuối năm	
	…..	
5	**Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học.** *(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*	
5.1	**…..**	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
5.1.2	Mức thu	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	
5.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy …	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác: …	
5.1.7	Số dư cuối năm	
	…..	
6	**Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở,.....** *(Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây) Bảng thuyết minh kèm theo*	

II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
1	**Chi sư nghiệp Giáo Dục**	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác: ….	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Các thiết bị công nghệ thông tin	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	các khoản phí và lệ phí	
2	**Chi quản lý hành chính**	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	Học phí	
2	Học nghề	
3	Học Tiếng Anh	
4	Học kỹ năng sống	
5	Trông giữ xe đạp	
6	…..	
B	**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác: ….	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác: ….	
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	**7.946.000**
	Chi thanh toán cá nhân	6.886.000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	152.000
	Chi mua sắm sửa chữa	320.000
	Chi khác: ….	588.000
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**260.000**
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	258.000
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác: ….	2.000
II	**Nguồn viện trợ**	

1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
	…	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
	…	
C	**MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG**	
1	Mức thu nhập của CBQL	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	11.800
	Mức bình quân (đ/người/năm)	10.000
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	10.200
2	Mức thu nhập của giáo viên	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	11.800
	Mức bình quân (đ/người/năm)	7.500
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	3.200
D	**MỨC CHI CHO HỌC SINH**	
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

……, ngày, … tháng … năm …
HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 6.3

UBND QUẬN LÊ CHÂN
TRƯỜNG THCS VÕ THỊ SÁU

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2022[2]

(Kèm theo Quyết định số ... /QĐ- ... ngày .../.../... của ...)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện …[1]	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện …[1]/dự toán năm (tỷ lệ %)
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**
A	**TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	**Học phí (nếu có)**				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang		291.473		
1.2	Mức thu 92.000đ/thán/hs*9T.				
1.3	Tổng số thu trong năm	1.357	1.389	102%	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.357	1.389	102%	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng[3]	1.357	1.389	102%	
1.6	Số chi trong năm	1.357	1.389	102%	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	543	0	-100%	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	340	162	48%	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	327	473	146%	
	- Chi khác: …	147	0	-100%	
1.7	Số dư cuối năm				
1.8	Dự kiến mức thu *(2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)*				
2	**Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)** *(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
2.1	**…..**				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		374.621		
2.1.2	Mức thu 12	12	12		
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1.129	1.199	106%	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.129	1.199	106%	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [3]	1.129	1.199	106%	
2.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và	570.000	560.347	98%	

[2] *Ghi: 6 tháng đầu năm hoặc cả năm*

[3] *Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước*

	giáo viên phụ trách lớp học				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	85	83.4	98%	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	99	98	99%	
	- Chi phúc lợi	106	104	92%	
	- Chi khác: …				
2.1.7	Số dư cuối năm		374		
	. . .				
3	**Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)**				
3.1	**. . .**				
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
3.1.2	Tổng số thu trong năm				
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)				
3.1.5	Số chi trong năm				
	Trong đó: - …..				
	- …..				
	- …..				
3.1.6	Số dư cuối năm				
	…..				
4	**Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú....** *(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
4.1	**. . .**				
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.1.2	Mức thu				
4.1.3	Tổng số thu trong năm				
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)				
4.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi cho người tham gia				
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:				
4.1.7	Số dư cuối năm				
	…..				
5	**Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học.** *(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi*				

	nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
5.1	**…..**				
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.1.2	Mức thu				
5.1.3	Tổng số thu trong năm				
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)				
5.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy …				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác: …				
5.1.7	Số dư cuối năm				
	…..				
6	**Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở,…** *(Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
6.1	**…..**				
6.1.1	Số học sinh				
6.1.2	Mức thu …				
6.1.3	Tổng thu				
6.1.4	Đã chi				
6.1.5	Dư				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	**Chi sư nghiệp .....**				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ….				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ….				
2	**Chi quản lý hành chính**				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				

	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ….				
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: …				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng Anh				
4	Học kỹ năng sống				
5	Trông giữ xe đạp				
6	…..				
	…..				
B	**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ….				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ….				
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.936	9.137	102%	
	Chi thanh toán cá nhân	7.650	7.554	98%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	225	153	68%	
	Chi mua sắm sửa chữa	290	556	106%	
	Chi khác: ….	771	874	113%	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.675	1.675	100%	
	Chi thanh toán cá nhân	0	0		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1.425	1.425	100%	
	Chi mua sắm sửa chữa	250	250	100%	
	Chi khác: ….				
II	**Nguồn viện trợ**				
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và**				

	dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
	…				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

……, ngày, ... tháng ... năm ...
HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 6.4

UBND QUẬN LÊ CHÂN
TRƯỜNG THCS VÕ THỊ SÁU

QUYẾT TOÁN THU - CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số ... /QĐ- ... ngày .../.../... của ...)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	**2**	**3**	**4**	**5=4+3**	**6**
A	**TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	**Học phí (nếu có)**				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	291.473	291.473		
1.2	Mức thu				
1.3	Tổng số thu trong năm	1.389	1.389		
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.389	1.389		
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng[4]	1.389	1.389		
1.6	Số chi trong năm	734	734		
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	0	0		
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	261	261		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	473	473		
	- Chi khác: …	0	0		
1.7	Số dư cuối năm				
1.8	Dự kiến mức thu *(2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)*				
2	**Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)** *(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
2.1	**…..**				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	374	374		
2.1.2	Mức thu …	12	12		
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1.190	1.199		
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	*1.190*	1.199		
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [4]	*1.190*	1.199		
2.1.6	Số chi trong năm	846	846		
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	560	560		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	83	83		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	99	99		

[4] *Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước*

	- Chi phúc lợi	104	104		
	- Chi khác: …				
2.1.7	Số dư cuối năm	374	374		
	. . .				
3	**Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)**				
3.1	**. . .**				
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
3.1.2	Tổng số thu trong năm				
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (4)				
3.1.5	Số chi trong năm				
	Trong đó: - …..				
	- …..				
	- …..				
3.1.6	Số dư cuối năm				
	…..				
4	**Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú....** *(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
4.1	**. . .**				
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.1.2	Mức thu				
4.1.3	Tổng số thu trong năm				
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (4)				
4.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi cho người tham gia				
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:				
4.1.7	Số dư cuối năm				
	…..				
5	**Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học.** *(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
5.1	**…..**				
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.1.2	Mức thu				
5.1.3	Tổng số thu trong năm				
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (4)				
5.1.6	Số chi trong năm				

	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy …				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác: …				
5.1.7	Số dư cuối năm				
	…..				
6	**Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở,…** *(Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
6.1	**…..**				
6.1.1	Số học sinh				
6.1.2	Mức thu …				
6.1.3	Tổng thu				
6.1.4	Đã chi				
6.1.5	Dư				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	**Chi sư nghiệp.....**				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ….				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ….				
2	**Chi quản lý hành chính**				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ….				
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: …				
B	**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**				

I	**Nguồn ngân sách trong nước**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.137	9.137		
	Chi thanh toán cá nhân	7.554	7.554		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	153	153		
	Chi mua sắm sửa chữa	556	556		
	Chi khác: ….	874	874		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.675	1.675		
	Chi thanh toán cá nhân	0	0		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1.425	1.425		
	Chi mua sắm sửa chữa	250	250		
	Chi khác: ….				
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ….				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác: ….				
II	**Nguồn viện trợ**				
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
	…				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

……, ngày, … tháng … năm …
HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 6.5

UBND QUẬN LÊ CHÂN
TRƯỜNG THCS VÕ THỊ SÁU

THÔNG BÁO
Báo cáo quyết toán kinh phí, năm 2022

Đơn vị tính: Triệu Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
A	**CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ**		
I	**Số thu phí, lệ phí**		
1	**Học phí** *(nếu có)*		
1.2	Số dư năm trước chuyển sang	291.473	
1.2	Mức thu		
1.3	Tổng số thu trong năm	1.389	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.389	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [55]	1.389	
1.6	Số chi trong năm	734	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	0	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	261	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	473	
	- Chi khác	0	
1.7	Số dư cuối năm	945	
1.8	Dự kiến mức thu *(2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)*		
2	**Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)** *(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*		
2.1	**…..**		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	374	
2.1.2	Mức thu.....	12	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1.199	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.199	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [5]	1.199	
2.1.6	Số chi trong năm	846	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	560	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	83	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	99	
	- Chi phúc lợi	104	
	- Chi khác:	0	
2.1.7	Số dư cuối năm	374	
2.2	**…..**		
3	**Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)**		
3.1			
3.1.3	Số dư năm trước chuyển sang		

[5] *Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước*

3.1.2	Tổng số thu trong năm		
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [5]		
3.1.5	Số chi trong năm		
	Trong đó: - …..		
	- …..		
	- …..		
3.1.6	Số dư cuối năm		
3.2	**…..**		
4	**Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú....** *(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*		
4.1	**…..**		
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
4.1.2	Mức thu ….		
4.1.3	Tổng số thu trong năm		
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [5]		
4.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi cho người tham gia		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:		
4.1.7	Số dư cuối năm		
4.2	**…..**		
5	**Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học.** *(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây*		
5.1	**…..**		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
5.1.2	Mức thu ….		
5.1.3	Tổng số thu trong năm		
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [5]		
5.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy..		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:		
5.1.7	Số dư cuối năm		
5.2	**…..**		
6	**Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, ...** *(Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực*		

	tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
6.1	**…..**		
6.1.1	Số học sinh		
6.1.2	Mức thu.....		
6.1.3	Tổng thu		
6.1.4	Đã chi		
6.1.5	Dư		
B	**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH**		
1	**Ngân sách nhà nước**		
1.1	**Ngân sách chi thường xuyên**		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	- Dự toán được giao trong năm	9.137	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	8.936	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	201	
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm		
	- Kinh phí quyết toán		
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
1.2	**Ngân sách chi không thường xuyên**	1.675	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	250	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	1.425	
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	250	
	- Kinh phí quyết toán	250	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	0	
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
2	**Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính**		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách	0	
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách	0	
	Tổng số kinh phí còn phải nộp	0	
C	**NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG** *(Nếu có: Chi tiết từng nguồn)*		
1	**Học phí**		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm	0	
	Trong đó: - Trích lập các quỹ	0	
	+ Quỹ "…"		
	+ Quỹ…		
	+ Quỹ		

	- Kinh phí cải cách tiền lương		
2	**Học thêm**		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ "…"		
	+ Quỹ…		
	+ Quỹ…		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
3	…..		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ "…"		
	+ Quỹ …		
	+ Quỹ …		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
D	**MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG**		
1	**Mức thu nhập của CBQL**		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	11.800	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	10.000	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	10.200	
2	**Mức thu nhập của giáo viên**		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	11.500	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	7.500	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	3.200	
E	**MỨC CHI CHO HỌC SINH**		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)		
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)		

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

……, ngày, … tháng … năm …
HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)